

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thái Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Đàm;

Bà Hà Thị Bàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Quyên – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Th- SN 1990**

Địa chỉ: Thôn 9, xã Động Q, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái

(Vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt)

Bị đơn: **Ông Bùi Duy Đ- SN 1989**

Địa chỉ: Thôn 9, xã Động Q, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái

Hiện đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc tại: Công ty TNHH Hyundai Mipo Dockyard- có địa chỉ 100, Bangeojinsunhwando-ro, Dong-g, U, Republic of Korea

(Vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Duy Đ kết hôn vào ngày 24/10/2012, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Động Q, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp cho đến tháng 3 năm 2024 ông Đ đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc (có địa chỉ Công ty TNHH Hyundai Mipo Dockyard- có địa chỉ 100, Bangeojinsunhwando-ro, Dong-g, U, Republic of Korea) thì mâu thuẫn trở nên trầm

trọng, tình cảm vợ chồng nhạt dần, trở nên xa cách. Đến nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với ông Bùi Duy Đ .

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Duy Đ có 02 con chung là cháu Bùi Li L, sinh ngày 13/01/2014 và cháu Bùi Thành N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn, bà Th đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung vì các cháu đang ở với bà Th và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Th từ chối hòa giải và xin được vắng mặt tại các phiên tòa, phiên họp. Đề nghị mở phiên toà sớm hơn trong thông báo thụ lý.

Tại bản tự khai của ông Bùi Duy Đ có dấu xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc được ông Đ chủ động gửi về từ Hàn Quốc thông qua người nhà, ông Đ trình bày: Ông Bùi Duy Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị Th trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Động Q, huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái. Đến tháng 3 năm 2024, ông Đ đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc tại Công ty TNHH Hyundai Mipo Dockyard- có địa chỉ 100, Bangeojinsunhwando-ro, Dong-g, U, Republic of Korea thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng trở nên xa cách. Đến nay bà Th xin được ly hôn, ông Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông Đ xác định giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Duy Đ có 02 con chung là cháu Bùi Li L, sinh ngày 13/01/2014 và cháu Bùi Thành N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn, ông Đ có nguyện vọng để bà Th được nuôi cả hai con chung vì các cháu đang ở với bà Th tại Việt Nam. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Bùi Duy Đ xác nhận đã nhận được đơn khởi kiện cùng toàn bộ chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án, ông Đ có đề nghị từ chối hoà giải, xin được vắng mặt tại phiên họp, phiên toà tòa. Đề nghị mở phiên toà sớm hơn trong thông báo thụ lý.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền: Đây là vụ án về hôn nhân gia đình có đương sự trên địa bàn tỉnh Yên Bái đang cư trú tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi thụ lý vụ án, thì bị đơn là ông Bùi Duy Đ có bản tự khai có dấu xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc, xác nhận đã nhận được đơn khởi kiện cùng toàn bộ chứng cứ và thông báo thụ lý vụ án.

Các bên đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt, đề nghị mở phiên toà sớm hơn so với thời gian được ấn định trong thông báo thụ lý vụ án, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th :

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Duy Đ kết hôn vào ngày 24/10/2012, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Động Q,

huyện Lục Y, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của vợ chồng không hoà hợp, bất đồng về quan điểm sống nay ông Đ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thì tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với ông Bùi Duy Đ, xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không Đ được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th với ông Bùi Duy Đ là phù hợp và có cơ sở nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Bùi Duy Đ có 02 con chung là cháu Bùi Li L, sinh ngày 13/01/2014 và cháu Bùi Thành N, sinh ngày 01/10/2021. Khi ly hôn, ông Đ có nguyện vọng để bà Th được nuôi cả hai con chung vì các cháu đang ở với bà Th tại Việt Nam. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Bùi Li L được ở với mẹ. Xét thấy, sau khi ông Đ đi lao động ở nước ngoài, hai con chung do bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung của bà Th là có cơ sở, cần được chấp nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Th không có yêu cầu nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông Đ đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Bùi Duy Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Li L, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Thành N, sinh ngày 01/10/2021 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000023 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

Án xử sơ thẩm công khai, Bà Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Đông Q, huyện Lục Y;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Đã ký*

**Lê Thái Hưng**



